

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày 12-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng; bà Bàn Thị Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Phùng Bá Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 26/02/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990, tại tỉnh H; nơi cư trú: phường L, thành phố B, tỉnh Đ; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố (*không biết*); mẹ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; chồng: chưa có, có 01 con ngoài giá thú, sinh ngày 05/02/2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt.

2. Lương Thị Bích T1, sinh năm 1994, tại tỉnh P; nơi cư trú: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh P; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố là ông Lương Sinh Q, sinh năm 1963; mẹ là bà Đỗ Thị Lệ T, sinh năm 1965; chồng: Chưa có, có 01 con ngoài giá thú, sinh ngày 24/10/2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt.

- Người làm chứng có mặt tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L.

- Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa: Võ Thị P, Nguyễn Phương T3, Nguyễn Thị Ái N, Bùi Thị L, Đào Thị D, Lương Thị D1, Đào Thị Mỹ T3, Trần Thị T6, Võ Thị Hồng Đ.

- Người tham gia tố tụng khác: Luật sư Tạ Ngọc Vân - Trưởng Văn phòng Luật sư Tạ Vân và cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 879 Hồng Hà, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2019, Nguyễn Thị Hồng T đi du lịch tại thành phố Q, tỉnh C, Trung Quốc. Tại đây, T gặp 01 người đàn ông Trung Quốc họ Dương (*thường gọi là ông Dương*), khoảng 40 tuổi, (*không rõ nghề nghiệp, địa chỉ*), ông Dương trao đổi với T muốn tìm phụ nữ Việt Nam có đủ điều kiện mang thai để đưa sang nước Campuchia cấy, ghép phôi, mang thai hộ cho những cặp vợ chồng hiếm muộn người Trung Quốc, việc cấy ghép mang thai thành công cho đến khi sinh đẻ xong ông Dương trả 16.000 USD cho thai đơn (*tương đương 380 triệu đồng tiền Việt Nam*), thai đôi được trả 19.000 USD (*tương đương 437 triệu đồng tiền Việt Nam*) T đồng ý theo thỏa thuận. Sau đó, ông Dương dẫn T đến bệnh viện Royal Fertility & Genetics Hospital (RFG) tại thành phố Q để tham quan quy trình cấy ghép phôi thai. Trước khi về Việt Nam ông Dương hẹn gặp lại T tại chi nhánh bệnh viện Royal Fertility & Genetics Hospital (RFG) tại thành phố Phnompenh, Campuchia để tham quan, bàn bạc, thống nhất việc đưa phụ nữ Việt Nam đến bệnh viện cấy, ghép phôi thai.

Khoảng cuối tháng 7/2019 như đã hẹn, T sang Campuchia gặp ông Dương, được ông Dương giới thiệu gặp một nam giới người Trung Quốc khoảng 30 tuổi tên là TN - Trợ lý của ông Dương, ông Dương giao cho TN trực tiếp chuyển tiền, hướng dẫn T về điều kiện kiểm tra sức khỏe của người phụ nữ, sau đó gửi kết quả sang cho TN, nếu đủ tiêu chuẩn sẽ thông báo cho T biết và đưa phụ nữ đó sang bệnh viện Royal Fertility & Genetics Hospital (RFG) để cấy ghép phôi thai.

Từ tháng 8/2019 T bắt đầu sử dụng mạng xã hội facebook với tên “A1” truy cập vào các nhóm mang thai hộ trên mạng xã hội để theo dõi và lần tìm những người có nhu cầu mang thai hộ. Khi tìm được, T tư vấn và đưa ra mức giá 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) đối với thai đơn và 370.000.000đ (*ba trăm bảy mươi triệu đồng*) đối với thai đôi, nếu mổ đẻ thì bồi dưỡng thêm 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Quá trình tìm kiếm người mang thai hộ, T làm quen với Lương Thị Bích T1, trú tại tỉnh P, qua trao đổi, T1 chủ động xin làm cộng tác viên cho T và thống nhất nếu tìm được một người mang thai hộ giới thiệu cho T thì T1 được T trả 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). T hướng dẫn T1 về cách tư vấn tìm người mang thai hộ phải bảo đảm các điều kiện sức khỏe sinh sản, sau khi tìm được người phụ nữ có nhu cầu mang thai hộ T1 có trách nhiệm thu thập kết quả kiểm tra sức khỏe của bệnh viện hoặc các cơ sở y tế sau đó chụp gửi cho T, nếu được T sẽ thông báo. Quá trình điều tra xác minh, mở rộng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang xác định trong khoảng thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019, Nguyễn Thị Hồng T và Lương Thị Bích T1 đã tổ chức mang thai hộ thành công cho 09 người phụ nữ, cụ thể như sau:

1. Chị Võ Thị P, trú tại phường P, thành phố M: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nợ nhiều chị P tham gia vào nhóm mang thai hộ trên mạng xã hội nên đã

quen biết với Nguyễn Thị Hồng T có tài khoản facebook “A1”, qua trao đổi thấy P có nhu cầu mang thai hộ nên T tư vấn và hướng dẫn P đi khám, siêu âm, kết quả đủ điều kiện mang thai hộ. Khoảng ngày 23, 24/10/2019, P được T hướng dẫn và cho địa chỉ đi xe khách từ bến xe S thuộc huyện H, Thành phố M đến cửa khẩu quốc tế M, tỉnh N xuất cảnh sang Campuchia đến Bệnh viện Royal Fertility & Genetics. Ngày 29/10/2019, P được cấy ghép phôi thai thành công, ngày 30/10/2019 P về Việt Nam dưỡng thai tại nhà. Sau đó, TN gọi điện thông báo cho T biết và giao P cho T theo dõi sức khỏe của P.

Ngày 14/6/2020 chuẩn bị đến ngày sinh, P được T mua 02 vé máy bay để P và Nguyễn Thị Ái N đi từ sân bay Tân Sơn Nhất - Thành phố Hồ Chí Minh đến sân bay Nội Bài - Hà Nội gặp Nguyễn Phương T3 sau đó đi taxi đến huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 15/6/2020 ba người được Phùng Anh T4, trú tại xã Đ, huyện G, tỉnh H đón tại chợ trung tâm huyện Đ rồi đưa P, N, T3 cùng 05 người khác (*không biết tên, tuổi, địa chỉ*) ngủ ở nhà nghỉ LT thuộc thị trấn Đ để ngày hôm sau xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khoảng 11 giờ, ngày 16/6/2020 có hai người nam giới (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) đến nhà nghỉ đưa P, N, T3, T4 cùng 05 người lên một chiếc xe ô tô 16 chỗ (*không rõ BKS*) theo hướng từ huyện Đ sang huyện M, đi được khoảng 4km hai nam giới bảo xe dừng lại cho 09 người xuống xe để dẫn đi theo đường mòn đến sông N thuộc địa phận thôn M, thị trấn Đ, huyện Đ. Hai người dẫn đường thuê anh Nùng A T5, trú tại thôn B, thị trấn Đ, huyện Đ chèo đò qua sông N để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Trên đường đi bộ, do đang mang thai sức khỏe không đảm bảo nên P, T3, N không đi được tiếp, bị số người cùng đi bỏ lại nên đã đến Công an huyện M, tỉnh Hà Giang tố giác sự việc trên. Sau khi được Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Hà Giang bàn giao về gia đình, đến khoảng tháng 7/2020, P được T và người phụ nữ có tài khoản facebook tên “A2” liên hệ và hướng dẫn lên tỉnh C (*không rõ địa danh*) để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc sinh 01 cháu bé, giới tính nam bàn giao cho các đối tượng người Trung Quốc (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) rồi quay về Việt Nam. Tổng số tiền P được T và người có tài khoản facebook tên “A2” chi trả là 320.000.000đ, số tiền này P đã chi tiêu cá nhân hết.

2. *Chị Nguyễn Phương T3, trú tại xã H, huyện M, thành phố H*: Cuối tháng 10/2019, Lương Thị Bích T1 sử dụng tài khoản facebook “A3” thông qua mạng xã hội làm quen với Nguyễn Phương T3, tư vấn cho T3 về vấn đề mang thai hộ, T3 đồng ý thực hiện. T1 hướng dẫn T3 xuống bệnh viện phụ sản quốc tế Sài Gòn khám, siêu âm phụ khoa, kết quả kiểm tra T3 đủ điều kiện mang thai hộ nên T1 cho T3 địa chỉ đón xe khách đi qua cửa khẩu quốc tế M, tỉnh N xuất cảnh sang Campuchia, đến bệnh viện Royal Fertility & Genetics để kiểm tra lại và chuẩn bị các thủ tục tiến hành cấy ghép phôi thai. Ngày 04/11/2019 T3 được cấy ghép phôi thai thành công, sau đó T3 về Việt Nam thuê một phòng trọ tại phường A, TP. Hồ Chí Minh dưỡng thai. Ngày 15/6/2020 do chuẩn bị đến ngày sinh, T3 được T và người phụ nữ có tài khoản facebook tên “A2” hướng dẫn đón Võ Thị P và Nguyễn Thị Ái N tại H, sau đó cả ba đi taxi đến huyện Đ, tỉnh Hà Giang tìm đường sang Trung Quốc sinh con. Do vượt biên trái phép qua đường tiểu ngạch đồi núi hiểm trở nên T3, P, N không đủ sức khỏe để đi tiếp, T3, P, N đã

đến Công an huyện M, tỉnh Hà Giang tố giác sự việc trên. Sau khi được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang bàn giao về gia đình, khoảng T7/2020 T3 được T và ‘‘A2’’ hướng dẫn lên tỉnh C (*không rõ địa danh*) xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc sinh 01 cháu bé, giới tính nam bàn giao cho các đối tượng người Trung Quốc (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) rồi quay về Việt Nam. Tổng số tiền T3 được T và ‘‘A2’’ chi trả là 320.000.000đ, số tiền này T3 đã chi tiêu cá nhân hết.

3. *Chị Nguyễn Thị Ái N, trú tại phường H, thành phố T*: Đầu tháng 10/2019, thông qua mạng xã hội Lương Thị Bích T1 sử dụng tài khoản Facebook ‘‘A3’’ làm quen với Nguyễn Thị Ái N, trong khoảng thời gian này T1 bận công việc nên đã gửi số điện thoại của N cho T để T tư vấn, hướng dẫn Nguyễn Thị Ái N các bước mang thai hộ. T đề nghị N đến Bệnh viện phụ sản quốc tế Sài Gòn khám, kết quả N chưa đủ điều kiện mang thai hộ nên T đã đưa cho N thuốc uống dưỡng niêm mạc tử cung. Khoảng 10 ngày sau, N khám, siêu âm, xét nghiệm lại thì kết quả đủ điều kiện mang thai hộ. N một mình đi đến cửa khẩu quốc tế M, tỉnh N sau đó xuất cảnh trái phép sang Campuchia đến bệnh viện Royal Fertility & Genetics, ngày 28/10/2019 N được cấy ghép phôi thai thành công. Vì điều kiện sức khỏe, N ở lại Campuchia một tuần, sau đó về Việt Nam dưỡng thai tại phòng trọ do T thuê thuộc phường TC, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/6/2020 do sắp đến ngày sinh, N được T mua 02 vé máy bay để N và Võ Thị P đi từ sân bay Tân Sơn Nhất, TP Hồ Chí Minh đến sân bay Nội Bài, TP Hà Nội gặp Nguyễn Phương T3 sau đó cả ba đi taxi đến huyện Đ, tỉnh Hà Giang tìm đường sang Trung Quốc sinh con. Do vượt biên trái phép qua đường tiểu ngạch đồi núi hiểm trở nên N, T3, P không đủ sức khỏe để đi tiếp N, T3, P đã đến Công an huyện M, tỉnh Hà Giang tố giác sự việc trên. Ngày 19/6/2020, Nguyễn Thị Ái N sinh con tại Bệnh viện đa khoa huyện M, tỉnh Hà Giang, đặt tên con là Nguyễn Gia B. Hiện nay, N đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu bé tại tỉnh N. Trong quá trình mang thai, N được T chi trả tổng số tiền 180.000.000đ, số tiền này N đã chi tiêu cá nhân hết.

4. *Chị Bùi Thị L, trú tại huyện C, tỉnh H*: Khoảng tháng 11/2019, Lương Thị Bích T1 sử dụng tài khoản facebook ‘‘A3’’ vào các trang mang thai hộ đọc được bài viết của Bùi Thị L, T1 đề nghị L kết bạn qua mạng zalo cùng nhau thỏa thuận việc mang thai hộ. T1 đón L đến Bệnh viện phụ sản quốc tế Sài Gòn để khám, siêu âm, xét nghiệm, các chi phí do T1 chi trả, kết quả L chưa đủ điều kiện sức khỏe mang thai hộ nên T1 đã gửi cho L thuốc dưỡng niêm mạc để uống theo hướng dẫn. Khoảng giữa tháng 12/2019, L đi kiểm tra lại, T1 gửi kết quả cho Nguyễn Thị Hồng T và được T trả lời L đủ sức khỏe để cấy ghép phôi thai, sau đó T1 cho địa chỉ và hướng dẫn L đi xe khách đến Cửa khẩu M xuất cảnh sang Campuchia đến Bệnh viện Royal Fertility & Genetics để thực hiện cấy ghép phôi thai. Ngày 17/12/2019, L được cấy ghép phôi thai thành công (*thai đôi*), sau đó T1 hướng dẫn L về Việt Nam đến địa chỉ tại phường TC, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh dưỡng thai. Cuối tháng 12/2019, Nguyễn Thị Hồng T và Lương Thị Bích T1 bị Công an Quận 12, TP. Hồ Chí Minh phát hiện việc tổ chức mang thai hộ nên L đã đi đến huyện Đ, thành phố H thuê nhà trọ để ở. Tháng 8/2020 do sắp đến ngày sinh, L được người phụ nữ có tài khoản facebook tên ‘‘A2’’ hướng dẫn đi đến tỉnh C (*không rõ địa chỉ*), sau đó xuất cảnh trái phép

sang Trung Quốc sinh 02 cháu bé, giới tính nam bàn giao cho các đối tượng người Trung Quốc (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) rồi quay về Việt Nam. Tổng số tiền L được T và người có tài khoản facebook tên “A2” chi trả 390.000.000đ, số tiền này L đã chi tiêu cá nhân hết.

5. *Đào Thị D, trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đ*: Cuối tháng 9/2019, một tài khoản facebook tên là “A4” kết bạn với Nguyễn Thị Hồng T giới thiệu cho T số điện thoại một người phụ nữ tên là Đào Thị D có nhu cầu mang thai hộ. T chủ động gọi điện thoại hẹn D đến nhà của T tại phường TC, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. T hướng dẫn D đi khám, siêu âm, xét nghiệm và gửi kết quả cho T, được TN trả lời D đủ điều kiện mang thai hộ. Ngày 09/10/2019 T hướng dẫn D đi xe khách đến cửa khẩu quốc tế M, tỉnh N xuất cảnh sang Campuchia, đến bệnh viện Royal Fertility & Genetics kiểm tra sức khỏe và tiến hành cấy ghép phôi thai thành công rồi về Việt Nam. Đến khoảng cuối tháng 11/2019 D đến tại phòng trọ do T thuê tại phường TC, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh để dưỡng thai. Cuối tháng 12/2019, Nguyễn Thị Hồng T và Lương Thị Bích T1 bị Công an Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh phát hiện việc tổ chức mang thai hộ, D đã chuyển ra chỗ khác để ở. Tháng 6/2020, do sắp đến ngày sinh D được người phụ nữ có tài khoản facebook tên “A2” hướng dẫn đi đến tỉnh C (*không rõ địa chỉ*), sau đó xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc sinh 01 cháu bé trai bàn giao cho các đối tượng người Trung Quốc (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) rồi quay về Việt Nam. Tổng số tiền D được T và người có tài khoản facebook tên “A2” trả là 320.000.000đ, số tiền này D đã tiêu sài cá nhân hết.

6. *Lương Thị D1, trú tại huyện C, tỉnh B*: Khoảng cuối T7/2019, Nguyễn Thị Hồng T sử dụng tài khoản facebook “A1” tham gia vào nhóm trên facebook có tên: “Mang thai hộ và tìm người mang thai hộ” thấy một bài viết do tài khoản “A5” đăng bài với nội dung có nhu cầu mang thai hộ, T chủ động nhắn tin, nói chuyện, tư vấn về gói mang thai hộ do mình tổ chức, D1 đồng ý thỏa thuận cho việc mang thai hộ, sau đó T hướng dẫn D1 đi khám, siêu âm và chụp kết quả gửi cho T, T gửi kết quả cho TN và được trả lời D1 đủ điều kiện mang thai hộ. Ngày 07/8/2019, T đặt vé máy bay cho D1 đi từ sân bay Nội Bài, Thành phố Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh để gặp T, T cho địa chỉ và hướng dẫn D1 đi xe khách đến cửa khẩu quốc tế M, tỉnh N xuất cảnh sang Campuchia, đến Bệnh viện Royal Fertility & Genetics cấy ghép phôi thai thành công, sau đó D1 đi về Việt Nam đến ở tại phòng trọ của T thuê thuộc phường TC, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh để dưỡng thai. Cuối tháng 12/2019, do Nguyễn Thị Hồng T và Lương Thị Bích T1 bị Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện việc tổ chức mang thai hộ, D1 chuyển đi nơi khác ở. Đến khoảng T4/2020, do sắp đến ngày sinh D1 được người phụ nữ có tài khoản facebook tên “A2” hướng dẫn D1 đi đến tỉnh C (*không rõ địa chỉ*) xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc sinh 01 cháu bé, giới tính nam bàn giao cho các đối tượng người Trung Quốc (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) rồi quay về Việt Nam. Tổng số tiền D1 được T và người có tài khoản facebook tên “A2” chi trả là 320.000.000đ, số tiền này D1 đã chi tiêu cá nhân hết.

7. *Đào Thị Mỹ T2, trú tại huyện H, tỉnh N*: Đầu tháng 12/2019, thông qua mạng xã hội Lương Thị Bích T1 sử dụng tài khoản Facebook “A3” làm quen với Đào Thị Mỹ T2, T1 tư vấn việc mang thai hộ, hướng dẫn T2 đến bệnh viện khám, siêu âm, sau đó chụp ảnh kết quả gửi cho T1. Các ngày 02, 05/12/2019 T2 đi khám, siêu âm tại phòng khám tư nhân thuộc huyện C, tỉnh B rồi gửi kết quả cho T1. Ngày 08/12/2019, T2 đi xe khách đến TP. Hồ Chí Minh khám tại bệnh viện phụ sản quốc tế Sài Gòn, siêu âm một lần nữa, kết quả T2 đủ điều kiện mang thai hộ. Cùng ngày, T2 được hướng dẫn đi xe khách đến cửa khẩu quốc tế M, tỉnh N xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Sáng ngày 09/12/2019, T1 đón T2 tại Campuchia và đưa đến khách sạn để nghỉ. Sáng ngày 10/12/2019, T1 đưa T2 đến bệnh viện Royal Fertility & Genetics tiến hành cấy ghép phôi thai thành công. Khoảng 4 đến 5 ngày sau, T2 về Việt Nam tiếp tục đi làm tại huyện C, tỉnh B. Khoảng 1 tháng sau, T2 đi khám, siêu âm lại kết quả Beta cho thấy chỉ số không tăng, thai hỏng, tổng số tiền T2 được T chi trả là 10.900.000đ, số tiền này T2 đã chi tiêu cá nhân hết.

8. *Trần Thị T6, trú tại huyện K, tỉnh Đ*: Khoảng cuối tháng 9/2019, Lương Thị Bích T1 sử dụng tài khoản facebook “A3” đọc các bài viết trong nhóm mang thai hộ thấy Trần Thị T6 đăng bài với nội dung có nhu cầu mang thai hộ và để lại số điện thoại tại bài viết. T1 đã chủ động gọi điện thoại làm quen sau đó đề nghị kết bạn qua mạng xã hội zalo để tiện liên hệ. T1 tư vấn về gói mang thai hộ do T tổ chức, T6 đồng ý thực hiện. T6 đi khám, siêu âm, xét nghiệm tại tỉnh B sau đó chụp ảnh kết quả gửi cho T1. Đầu tháng 10/2019, T1 liên hệ và hướng dẫn T6 đến Bệnh viện phụ sản quốc tế Sài Gòn để khám, siêu âm, xét nghiệm. Sau khi có kết quả, T1 chụp lại và chuyển qua zalo cho Nguyễn Thị Hồng T thể hiện T6 đủ điều kiện mang thai hộ. Ngày 24/10/2019, theo sự hướng dẫn của T1, T6 một mình đi xe khách đến cửa khẩu quốc tế M, tỉnh N xuất cảnh trái phép sang Campuchia đến bệnh viện Royal Fertilitly & Genetics cấy ghép phôi thai thành công (*thai đôi*), sau đó T6 về Việt Nam dưỡng thai ở nhà trọ của T tại phường TC, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến T6/2020 T6 được người có tài khoản facebook là “A2” hướng dẫn đi đến tỉnh C (*không rõ địa danh*), xuất cảnh sang Trung Quốc sinh 02 cháu bé, giới tính nam, sau đó bàn giao cho các đối tượng người Trung Quốc (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) rồi quay về Việt Nam. Tổng số tiền T6 được T và người có tài khoản facebook tên “A2” chi trả thai đôi là 390.000.000đ, số tiền này T6 đã tiêu sài cá nhân hết.

9. *Võ Thị Hồng Đ, trú tại Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể)*: Khoảng cuối tháng 9/2019, Lương Thị Bích T1 sử dụng tài khoản facebook “A3” vào nhóm mang thai hộ trên mạng xã hội facebook đọc các bài viết của thành viên thấy Võ Thị Hồng Đ đăng bài với nội dung có nhu cầu mang thai hộ. T1 chủ động nhắn tin làm quen, nói chuyện và đề nghị kết bạn qua mạng zalo để tư vấn về mang thai hộ, Đ đồng ý. Mấy ngày sau, T1 chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho Đ số tiền 2.300.000đ để Đ đi khám, siêu âm, xét nghiệm. Sau khi có kết quả, Đ chụp ảnh và gửi qua zalo cho T1, T1 chuyển tiếp cho T và được thông báo là Đ đủ điều kiện mang thai hộ. Ngày 02/10/2019 T1 trực tiếp đưa Đ sang Campuchia tiến hành cấy ghép phôi thai. Cùng ngày, tại bệnh viện Royal Fertility & Genetics,

Đ được tiến hành cấy ghép phôi thai thành công rồi cùng T1 về Việt Nam tự dưỡng thai. Đến T6/2020 T và T1 nhận được thông báo của người có tài khoản facebook tên “A2” cho biết Đ đã đi sang Trung Quốc sinh 01 cháu bé trai và đã được “A2” thanh toán tổng số tiền là 320.000.000đ.

Ngày 12/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang có công văn số 277/CV-PC02 gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Hà Giang tra cứu và cung cấp tỷ giá tiền USD quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm ngày 22/9/2019; ngày 18/11/2019; ngày 18/12/2019; ngày 10/01/2020 và ngày 05/3/2020.

Tại công văn số 102/HAG-TH ngày 27/01/2021, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Giang, cung cấp về tỷ giá giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại từng thời điểm cụ thể như sau:

Ngày 21/9/2019: 1USD = 23,142 VNĐ;

Ngày 18/11/2019: 1USD = 23,140 VNĐ;

Ngày 18/12/2019: 1USD = 23,158 VNĐ;

Ngày 10/01/2020: 1USD = 23,166VNĐ;

Ngày 05/3/2020: 1USD = 23,203VNĐ;

- Quá trình giao nhận tiền giữa các bị cáo, giữa bị cáo T với TN, tài khoản facebook “A2” và những người mang thai hộ được thực hiện nhiều lần, có lúc trực tiếp hoặc chuyển tiền qua tài khoản và có lần T nhờ bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của T chuyển hộ.

- Đối với số tiền Nguyễn Thị Hồng T được “TN” người Trung Quốc và một người có tài khoản facebook “A2” bảo T sang Campuchia nhận tạm ứng tổng số tiền là 30.000 USD cụ thể các lần như sau:

Lần 1 khoảng T9/2019 T nhận 2.000USD đổi được 46.000.000đ;

Lần 2 khoảng T11/2019 T nhận 6.000USD đổi được 138.000.000đ;

Lần 3 khoảng T12/2019 T nhận 12.000USD đổi được 276.000.000đ;

Lần 4 qua tài khoản facebook “A2” nhờ người xe ôm chuyển tiền cho T là 5.000USD đổi được 115.000.000đ;

Lần 5 vào khoảng T3/2020 T nhận 5.000USD đổi được 115.000.000đ;

Tổng số tiền USD đổi được là 690.000.000đ tiền Việt Nam, T đã sử dụng như sau:

Chi trả cho bị cáo Lương Thị Bích T1 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) tiền công của T1 môi giới cho 05 người mang thai hộ chi trả cho 09 người phụ nữ mang thai hộ và các chi phí thăm khám sức khỏe, tiền thuê phòng trọ, tiền mua sắm dụng cụ giường chiếu, đệm, tiền ăn, tiền mua vé máy bay, tiền mua thuốc giữ thai và dưỡng thai cho những người mang thai hộ, tổng số tiền là 515.700.000đ (*năm trăm mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng*); số tiền T được hưởng lợi trong việc tổ chức mang thai hộ là 74.300.000đ, T đã chi tiêu cá nhân hết.

- Đối với Lương Thị Bích T1 khai nhận đã trực tiếp giới thiệu cho Nguyễn Thị Hồng T 05 người phụ nữ mang thai hộ và đã được T trả cho tổng số tiền là 100.000.000đ (*do Đào Thị Mỹ T2 bị hỏng thai nên không được nhận tiền*), số tiền này T đã sử dụng vào mục đích như sau:

Chi phí cho 05 người phụ nữ mang thai hộ gồm các khoản: Khám sức khỏe, tiền làm hộ chiếu, tiền ăn uống và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho những người mang thai hộ với tổng số tiền là 40.100.000đ (*bốn mươi triệu một trăm*

ngàn đồng); T1 được hưởng lợi trong việc môi giới cho những người mang thai hộ là 59.900.000đ, T đã sử dụng tiền để mua 01 điện thoại, 02 máy tính hết 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*), số còn lại chi tiêu cá nhân hết.

Cáo trạng số 09/CT-VKSHG-P2 ngày 03/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1 về tội: "*Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại*" theo điểm a khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang duy trì quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá động cơ, mục đích, thời gian các bị cáo tổ chức mang thai hộ đã nhận định hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T và Lương Thị Bích T1 không thuộc trường hợp phạm tội "*Đối với 02 người trở lên*" mà thuộc trường hợp "*Phạm tội 02 lần trở lên*", căn cứ điểm c khoản 1 Điều 266 Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thay đổi quan điểm, chuyển sang truy tố tại điểm b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1 phạm tội "*Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại*" theo điểm b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 187; Điều 17; điểm s, n, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T từ 18 (*mười tám*) đến 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 điều 187; Điều 17; điểm s, n, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Thị Bích T1, xử phạt bị cáo Lương Thị Bích T1 từ 12 (*mười hai*) đến 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch để xử lý vật chứng như sau:

- Truy thu số tiền các bị cáo phạm tội mà có: Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T số tiền 74.300.000đ - 10.000.000đ bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 10/3/2021, bị cáo T còn phải nộp số tiền truy thu là 64.300.000đ;

Truy thu đối với bị cáo Lương Thị Bích T1 số tiền 59.900.000đ - 10.000.000đ bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 10/3/2021, bị cáo T1 còn phải nộp số tiền truy thu là 49.900.000đ.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen nhãn hiệu Vivo, máy đã cũ, bị xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng; 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen, viền màu vàng đồng, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng; 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng đồng, nhãn hiệu Vivo, loại Vivo X9s Plus, mặt màn hình bị vỡ, xước nhiều

chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng.

- **Giữ lại để bảo đảm thi hành án:** 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng đồng loại Vivo X9s Plus, màn hình bị xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màn hình cảm ứng màu xám, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*);

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone SE màu hồng có số IME: 356594080953146, máy đã cũ, xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*);

+ 01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu Lenovo màu xám, máy đã cũ, đã qua sử dụng, bị xây xước nhiều chỗ (*thu giữ của bị cáo Lương Thị Bích T1*);

+ 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu xám, viền bị tróc sơn, máy bị xước nhiều chỗ, máy cũ đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Lương Thị Bích T1*).

- **Tịch thu tiêu hủy:** 07 (bảy) hộp thuốc hình chữ nhật màu xanh có tên: THUỐC TIÊM PROGESTERONE BP 25 MG chưa qua sử dụng; 05 (năm) hộp thuốc Manesix, màu trắng xanh chưa qua sử dụng; 01 (một) hộp thuốc Manesix, màu trắng xanh đã qua sử dụng; 35 (ba mươi lăm) hộp thuốc màu hồng có tên PROGYNOVA chưa qua sử dụng; 11 (mười một) hộp thuốc màu hồng có tên PROGYNOVA đã qua sử dụng; 06 (sáu) vỏ hộp thuốc tên Duphaston đã qua sử dụng; 03 (ba) lọ dung dịch lỏng có tên “Cồn 70 độ VP”; 01 (một) hộp kim tiêm sử dụng một lần đã qua sử dụng có tên VINAHAKOOK; 01 (một) hộp bơm kim tiêm sử dụng một lần, chưa qua sử dụng có tên VINAHAKOOK; 05 (năm) bơm tiêm sử dụng một lần VINAHAKOOK chưa qua sử dụng; 01 (một) hộp thuốc có tên CALCIUM Corbière chưa qua sử dụng; 01 (một) USB màu đen, xanh nhãn hiệu Transcend 8GB đã cũ đã qua sử dụng; 01 (một) túi ba lô bằng vải.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T nói lời sau cùng: Do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo đã rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, vì bị cáo là người mẹ đơn thân, con bị cáo đến nay mới được hơn 13 tháng tuổi.

Bị cáo Lương Thị Bích T1 nói lời sau cùng: Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã được nghe cán bộ điều tra giải thích pháp luật, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo được biết những người phụ nữ mang thai hộ đều có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo T vì họ tự nguyện mang thai hộ chứ bị cáo và bị cáo T không ép buộc họ, hơn nữa bị cáo là người mẹ đơn thân, tính đến ngày

bị cáo bị đưa ra xét xử con bị cáo mới được 5 tháng tuổi, bố mẹ bị cáo kinh tế khó khăn. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện nuôi dạy con, nếu phải chấp hành án phạt tù bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng Võ Thị P, Nguyễn Phương T3, Nguyễn Thị Ái N, Bùi Thị L, Đào Thị D, Lương Thị D1, Đào Thị Mỹ T2, Trần Thị T6, Võ Thị Hồng Đ, căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang xác định những người phụ nữ mang thai hộ gồm: Võ Thị P, Nguyễn Phương T3, Nguyễn Thị Ái N, Bùi Thị L, Đào Thị D, Lương Thị D1, Đào Thị Mỹ T2, Trần Thị T6, Võ Thị Hồng Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, đối chiếu với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, xét thấy họ không thuộc trường hợp là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự và cũng không thuộc trường hợp là bị hại theo Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, ngày 26/02/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã xác định lại tư cách tham gia tố tụng của những người mang thai hộ là người làm chứng trong vụ án, theo đó Luật sư Tạ Ngọc Vân đã tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Võ Thị P, chị Nguyễn Thị Ái N cũng được Tòa án thay đổi tư cách tham gia tố tụng và triệu tập đến phiên tòa với tư cách là người tham gia tố tụng khác.

[4]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố (*bút lục từ 561 đến 593; 602 đến 667*); lời khai của các bị cáo ổn định, không mâu thuẫn, phù hợp lời khai của những người làm chứng (*bút lục từ 669 đến 837*) về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác, có trong hồ sơ vụ án như: Đơn tố giác tội phạm, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của Cơ quan CSĐT - Công an huyện M, tỉnh Hà Giang (*bút lục 01, 02*); Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của Cơ quan CSĐT - Công an Quận 3 TP Hồ Chí Minh (*bút lục 33*); Giấy chứng sinh của Nguyễn Thị Ái N, kết quả siêu âm của

Nguyễn Phương T3, Võ Thị P, Đào Thị D, Bùi Thị L, Trần Thị T6 (*bút lục từ 137 đến 169*); các Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (*bút lục 182, 183; 188, 189; 192, 193; 196, 197; 200, 201; 204*)...

[5]. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 7/2019, Nguyễn Thị Hồng T, trú tại thành phố B, tỉnh Đ đi du lịch tại thành phố Q, tỉnh C, Trung Quốc, có gặp người đàn ông Trung Quốc họ Dương khoảng 40 tuổi, (*không rõ nghề nghiệp, địa chỉ*) đề cập đến việc tìm phụ nữ Việt Nam có đủ điều kiện mang thai để tổ chức đưa sang nước Campuchia cấy, ghép phôi, mang thai hộ cho những cặp vợ chồng hiếm muộn người Trung Quốc, nếu cấy ghép mang thai thành công cho đến khi sinh đẻ ông Dương sẽ trả cho T 16.000 USD đối với thai đơn (*trương đương 380 triệu đồng Việt Nam*), đối với thai đôi được trả 19.000 USD (*trương đương 437 triệu đồng Việt Nam*) T đồng ý theo thỏa thuận. Khi về Việt Nam, thông qua mạng xã hội facebook qua trao đổi T đã làm quen với Lương Thị Bích T1 và đồng ý cho T1 làm cộng tác viên, T thống nhất nếu T1 tìm được một người mang thai hộ giới thiệu cho T thì được T trả cho 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). T hướng dẫn T1 về cách tư vấn tìm người mang thai hộ phải đảm bảo các điều kiện sức khỏe sinh sản, khi tìm được người phụ nữ có nhu cầu mang thai hộ T1 sẽ thu thập kết quả kiểm tra sức khỏe của bệnh viện hoặc các cơ sở y tế sau đó chụp gửi cho T. T đưa ra mức giá 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) đối với thai đơn và 370.000.000đ (*ba trăm bảy mươi triệu đồng*) đối với thai đôi, nếu đẻ mổ thì bồi dưỡng thêm 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Tiền trả cho những người phụ nữ mang thai hộ tính theo tháng và được nhận đủ tiền khi sinh đẻ xong tại Trung Quốc. Từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019, Nguyễn Thị Hồng T và Lương Thị Bích T1 đã tổ chức mang thai hộ cho 09 người, trong đó T1 môi giới cho T được 06 người, T tự liên hệ được 03 người, số tiền các bị cáo được hưởng lợi như sau: Nguyễn Thị Hồng T được hưởng lợi từ việc tổ chức mang thai hộ số tiền là **74.300.000đ**, T đã sử dụng cho việc chi tiêu cá nhân hết. Lương Thị Bích T1 được hưởng lợi từ việc môi giới cho những người mang thai hộ là **59.900.000đ**, số tiền này T1 đã sử dụng mua 01 điện thoại và 02 máy tính xách tay hết 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*), số tiền còn lại T1 đã chi tiêu cá nhân hết.

[6]. Trong vụ án này, mặc dù bị cáo Lương Thị Bích T1 tổ chức cho 06 người phụ nữ mang thai hộ, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T chịu trách nhiệm chung tổ chức cho 09 người phụ nữ mang thai hộ, nhưng các bị cáo không tổ chức trong cùng một lần phạm tội mà chỉ đường hoặc trực tiếp đưa tổng số 9 người phụ nữ này đi sang nước Campuchia cấy ghép phôi thai vào những thời điểm khác nhau, diễn ra liên tiếp từ T8 đến T12/2019 để kiếm lợi nhuận. Mỗi lần tổ chức cho 01 người phụ nữ mang thai hộ đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại*”. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1 thuộc trường hợp “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*”, là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã thay đổi quan điểm truy tố là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận; khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[7]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại thời điểm phạm tội cả 02 bị cáo đều mang thai; trong giai đoạn điều tra các bị cáo nuôi con nhỏ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng có thái độ chấp hành tốt theo yêu cầu của cơ quan điều tra, ngoài việc khai báo về hành vi phạm tội của mình các bị cáo còn cung cấp các thông tin về những đồng phạm khác; trước khi mở phiên tòa bị cáo T và bị cáo T1 tự nguyện nộp mỗi người 10.000.000đ tiền thu lời bất chính; trong các biên bản lấy lời khai 8/9 người phụ nữ mang thai hộ đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì họ cho rằng bản thân họ tự nguyện mang thai hộ để kiếm tiền chứ không bị ép buộc. Do đó, bị cáo T và bị cáo T1 cùng được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, n, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Hồng T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9]. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước trong việc áp dụng kỹ thuật sinh sản để người phụ nữ mang thai hộ cho những cặp vợ chồng gặp khó khăn về sinh con, vi phạm điều cấm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình, xâm phạm nghiêm trọng đến thuần phong mỹ tục và trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ học vấn nhất định nên hơn ai hết phải nhận thức được Nhà nước thực hiện vai trò quản lý việc mang thai hộ là nhằm bảo vệ tính nhân đạo của các quy định pháp luật cho phép mang thai hộ, đồng thời nghiêm cấm các hành vi lạm dụng cơ thể người phụ nữ để thực hiện việc mang thai hộ vì mục đích thương mại, trong khi các bị cáo không hề biết những đứa trẻ được sinh ra sẽ giao cho ai, có được giao cho những gia đình người Trung Quốc hiếm muộn thật không, hay bị sử dụng vào mục đích phi nhân đạo, song chỉ vì mong muốn có tiền chi tiêu các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật mà thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Lợi dụng những người phụ nữ có hoàn cảnh éo le, khó khăn về kinh tế, thông qua mạng xã hội facebook các bị cáo tự tìm kiếm, làm quen, sau đó chỉ dẫn họ tham gia vào đường dây mang thai hộ do một nhóm người bên nước Trung Quốc cầm đầu, tổ chức. Sau khi việc cấy ghép phôi thành công, những người phụ nữ mang thai hộ bằng nhiều hình thức khác nhau phải sang Trung Quốc sinh nở theo thỏa thuận để các bị cáo được hưởng lợi về kinh tế. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời có ý nghĩa răn đe, phòng ngừa chung.

[10]. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng bản thân các bị cáo cũng chỉ là những người bị các đối tượng người Trung Quốc lợi dụng, rủ rê, lôi kéo, vì háms lợi mà thực hiện tội phạm. Trong giai đoạn điều tra những người phụ nữ mang thai hộ đều khẳng định việc họ đồng ý mang thai hộ cũng xuất phát từ hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, họ chủ động tìm kiếm trên mạng facebook những người có nhu cầu nhờ mang thai hộ nên khi quen biết T và T1, được nghe T và T1

giới thiệu, những người phụ nữ này tự nguyện tham gia chứ không bị các bị cáo dụ dỗ, cưỡng ép phải mang thai hộ. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đặc biệt tại thời điểm vụ án được đưa ra xét xử bị cáo T đang phải nuôi con nhỏ được 13 tháng tuổi, bị cáo T1 đang phải nuôi con nhỏ được 04 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho cả hai bị cáo, để các bị cáo nhận thức được chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải mà cải tạo cho tốt, sớm được trở về hòa nhập cộng đồng làm người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[11]. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T là người trực tiếp câu kết với các đối tượng người Trung Quốc để tổ chức việc mang thai hộ nhằm hưởng lợi về kinh tế, thông qua mạng facebook bị cáo đã chủ động làm quen với bị cáo Lương Thị Bích T1, thực chất là nhằm mục đích rủ T1 tìm kiếm những người phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, có nhu cầu mang thai hộ để giới thiệu cho bị cáo, khi những người phụ nữ đồng ý mang thai hộ có đủ điều kiện cấy ghép phôi, bị cáo chỉ đường hoặc trực tiếp đưa họ sang nước Campuchia đến Bệnh viện Royal Fertility & Genetics để thực hiện cấy ghép phôi, việc cấy ghép thành công bị cáo liên hệ cho họ trở về Việt Nam để dưỡng thai, gần đến ngày sinh nở, bị cáo hướng dẫn, chỉ đường cho họ lên tỉnh biên giới Hà Giang vượt biên trái phép qua đường mòn sang Trung Quốc sinh con. Trong vụ án này, bị cáo đã tổ chức mang thai hộ cho 09 người, trong đó 06 người do bị cáo T1 giới thiệu, 03 người do bị cáo tự làm quen trên mạng facebook nên hành vi phạm tội của bị cáo nghiêm trọng hơn so với hành vi phạm tội của bị cáo T1, theo đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc hơn mức án của bị cáo T1 mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[12]. Đối với bị cáo Lương Thị Bích T1 là người môi giới cho bị cáo T 06 người phụ nữ để mang thai hộ, trong đó ngày 02/10/2019, bị cáo trực tiếp được đưa chị Võ Thị Hồng Đ đến Bệnh viện Royal Fertility & Genetics tại Campuchia tiến hành cấy ghép phôi thai. Về cơ bản bị cáo chỉ trực tiếp liên lạc với 06 người phụ nữ mà bị cáo giới thiệu cho T thời gian đầu để tạm ứng cho họ chi phí đi kiểm tra sức khỏe, kiểm tra điều kiện cấy ghép phôi cho đến khi cấy ghép phôi đạt yêu cầu. Khi những người phụ nữ mang thai hộ trở về Việt Nam dưỡng thai thì chủ yếu do bị cáo T trực tiếp thanh toán tiền theo tháng cho họ, vì vậy khi quyết định hình phạt cần xử phạt bị cáo T1 mức án thấp hơn mức án của bị cáo T là phù hợp.

[13]. Đối với người đàn ông có họ Dương, khoảng 40 tuổi và TN, khoảng 30 tuổi đều là người Trung Quốc, Cơ quan điều tra không thu thập được ảnh, không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nơi cư trú cụ thể tại Trung Quốc và Campuchia nên không có thông tin để thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự, chưa đủ căn cứ đề cập, xử lý trong vụ án này, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiếp tục điều tra, xác minh, nếu đủ căn cứ sẽ tiếp tục xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[14]. Đối với tài khoản facebook có tên "A4" đã giới thiệu cho bị cáo T người mang thai hộ là Đào Thị D và tài khoản facebook có tên "A2" đã đăng

trên mạng xã hội để thay Nguyễn Thị Hồng T trả tiền, hướng dẫn những người mang thai hộ đi sang Trung Quốc qua đường tiểu ngạch thuộc tỉnh C để sinh đẻ. Cơ quan điều tra kiểm tra, xác minh nhưng những tài khoản này đã bị xóa trên mạng xã hội do vậy không xác định được thông tin của các đối tượng để xem xét xử lý.

[15]. Đối với bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của bị cáo T được T nhờ chuyển tiền cho Nguyễn Phương T3 nhưng bà L và T không có sự bàn bạc, thống nhất, bà L không biết T chuyển tiền cho T3 vì mục đích gì nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[16]. Đối với Phùng Anh T4, trú tại huyện G, tỉnh H là người đã đón Võ Thị P, Nguyễn Phương T3, Nguyễn Thị Ái N tại chợ trung tâm huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng hiện nay T4 không có mặt tại địa phương nên chưa xác định được vai trò của T4, do đó không đề cập xử lý trong vụ án này mà tiếp tục điều tra, xác minh xem xét xử lý sau.

[17]. Đối với Nùng A T5, trú tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác định T5 chỉ là người lái đò chở người qua sông để lấy tiền, không được bàn bạc và liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do vậy không đề cập xem xét xử lý trong vụ án.

[18]. Về hành vi xuất cảnh trái phép sang Campuchia qua cửa khẩu M - T và đường tiểu ngạch của tỉnh C của những người mang thai hộ gồm: Võ Thị P; Nguyễn Thị Ái N; Nguyễn Phương T3; Lương Thị D1; Bùi Thị L; Đào Thị D; Đào Thị Mỹ T2, Trần Thị T6; Võ Thị Hồng Đ là vi phạm điểm a, khoản 3, Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính Phủ nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã có văn bản đề nghị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an các tỉnh T và tỉnh C xác minh, xem xét để xử lý theo quy định pháp luật.

[19]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng vụ án.

[20]. ***Đối với số tiền các bị cáo thu lời bất chính cần truy thu sung ngân sách nhà nước:*** Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T số tiền 74.300.000đ - 10.000.000đ bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 10/3/2021, bị cáo T còn phải nộp số tiền là 64.300.000đ; truy thu của bị cáo Lương Thị Bích T1 số tiền 59.900.000đ - 10.000.000đ bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 10/3/2021, bị cáo T1 còn phải nộp số tiền là 49.900.000đ.

[21]. ***Đối với những chiếc điện thoại các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:*** 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen nhãn hiệu Vivo, máy đã cũ, bị xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen, viền màu vàng đồng, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*); 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu

vàng đồng, nhãn hiệu Vivo, loại Vivo X9s Plus, mặt màn hình bị vỡ, xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Lương Thị Bích T1*).

[22]. ***Đối với những chiếc điện thoại, máy tính xách tay các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nhưng đã dùng tiền phạm tội để mua, tuy nhiên số tiền thu lời bất chính đã bị truy thu nên cần giữ lại những tài sản này để bảo đảm thi hành án cho các bị cáo gồm:*** 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng đồng loại Vivo X9s Plus, màn hình bị xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*); 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màn hình cảm ứng màu xám, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*); 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone SE màu hồng có số IME: 356594080953146, máy đã cũ, xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*); 01 (*một*) máy tính xách tay, nhãn hiệu Lenovo màu xám, máy đã cũ, đã qua sử dụng, bị xây xước nhiều chỗ (*thu giữ của bị cáo Lương Thị Bích T1*); 01 (*một*) máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu xám, viền bị tróc sơn, máy bị xước nhiều chỗ, máy cũ đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Lương Thị Bích T1*).

[23]. ***Đối với những đồ vật, thuốc tân dược... các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy gồm:*** 07 (*bảy*) hộp thuốc hình chữ nhật màu xanh có tên: THUỐC TIÊM PROGESTERONE BP 25 MG chưa qua sử dụng; 05 (*năm*) hộp thuốc Manesix, màu trắng xanh chưa qua sử dụng; 01 (*một*) hộp thuốc Manesix, màu trắng xanh đã qua sử dụng; 35 (*ba mươi lăm*) hộp thuốc màu hồng có tên PROGYNOVA chưa qua sử dụng; 11 (*mười một*) hộp thuốc màu hồng có tên PROGYNOVA đã qua sử dụng; 06 (*sáu*) vỏ hộp thuốc tên Duphaston đã qua sử dụng; 03 (*ba*) lọ dung dịch lỏng có tên “Cồn 70 độ VP”; 01 (*một*) hộp kim tiêm sử dụng một lần đã qua sử dụng có tên VINAHAKOOK; 01 (*một*) hộp bơm kim tiêm sử dụng một lần, chưa qua sử dụng có tên VINAHAKOOK; 05 (*năm*) bơm tiêm sử dụng một lần VINAHAKOOK chưa qua sử dụng; 01 (*một*) hộp thuốc có tên CALCIUM Corbière chưa qua sử dụng; 01 (*một*) USB màu đen, xanh nhãn hiệu Transcend 8GB đã cũ đã qua sử dụng; 01 (*một*) túi ba lô bằng vải.

[24]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, điều luật áp dụng, mức án, việc xử lý vật chứng và án phí của người bị kết án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[25]. Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[26]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1 phạm tội “*Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 187; Điều 17; điểm s, n, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 187; Điều 17; điểm s, n, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thị Bích T1 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng vụ án.

- Truy thu số tiền các bị cáo phạm tội mà có:

+ Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T số tiền 74.300.000đ, ngày 10/3/2021 bị cáo T đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) theo biên lai số 00037. Số tiền truy thu bị cáo T còn phải nộp sung ngân sách nhà nước là 64.300.000đ (*sáu mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng*);

+ Truy thu đối với bị cáo Lương Thị Bích T1 số tiền 59.900.000đ, ngày 10/3/2021 bị cáo T1 đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*). Số tiền truy thu bị cáo T1 còn phải nộp sung ngân sách nhà nước là 49.900.000đ (*bốn mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen nhãn hiệu Vivo, máy đã cũ, bị xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*);

+ 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen, viền màu vàng đồng, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T*);

+ 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng đồng, nhãn hiệu Vivo, loại Vivo X9s Plus, mặt màn hình bị vỡ, xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (*thu giữ của bị cáo Lương Thị Bích T1*).

- Trả lại tài sản cho các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1, tuy nhiên các bị cáo bị truy thu số tiền thu lời bất chính nên cần giữ lại những tài sản này để đảm bảo việc thi hành án, tài sản gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng đồng loại Vivo X9s Plus, màn hình bị xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màn hình cảm ứng màu xám, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T);

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone SE màu hồng có số IME: 356594080953146, máy đã cũ, xước nhiều chỗ, không bật được nguồn để kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T);

+ 01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu Lenovo màu xám, máy đã cũ, đã qua sử dụng, bị xây xước nhiều chỗ (thu giữ của bị cáo Lương Thị Bích T1);

+ 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu xám, viền bị tróc sơn, máy bị xước nhiều chỗ, máy cũ đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Lương Thị Bích T1).

- **Tịch thu tiêu hủy:** 07 (bảy) hộp thuốc hình chữ nhật màu xanh có tên: THUỐC TIÊM PROGESTERONE BP 25 MG chưa qua sử dụng; 05 (năm) hộp thuốc Manesix, màu trắng xanh chưa qua sử dụng; 01 (một) hộp thuốc Manesix, màu trắng xanh đã qua sử dụng; 35 (ba mươi lăm) hộp thuốc màu hồng có tên PROGYNOVA chưa qua sử dụng; 11 (mười một) hộp thuốc màu hồng có tên PROGYNOVA đã qua sử dụng; 06 (sáu) vỏ hộp thuốc tên Duphaston đã qua sử dụng; 03 (ba) lọ dung dịch lỏng có tên “Cồn 70 độ VP”; 01 (một) hộp kim tiêm sử dụng một lần đã qua sử dụng có tên VINAHAKOOK; 01 (một) hộp bơm kim tiêm sử dụng một lần, chưa qua sử dụng có tên VINAHAKOOK; 05 (năm) bơm tiêm sử dụng một lần VINAHAKOOK chưa qua sử dụng; 01 (một) hộp thuốc có tên CALCIUM Corbière chưa qua sử dụng; 01 (một) USB màu đen, xanh nhãn hiệu Transcend 8GB đã cũ đã qua sử dụng; 01 (một) túi ba lô bằng vải.

(Như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/2/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Lương Thị Bích T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 01, 02, PV 06 Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà